

Số: 44 /KH-UBND

Diên Khánh, ngày 22 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH

Cải thiện chỉ số cải cách thủ tục hành chính (TTHC) đến cuối năm 2025

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC TỪ 01/7/2025

Ngày 14/9/2025, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành văn bản số 3834/UBND-PVHHC về việc đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính trọng tâm các tháng cuối năm 2025. Theo đó, UBND tỉnh thống kê tổng hợp số liệu kết quả giải quyết các nhiệm vụ thuộc thủ tục hành chính của xã Diên Khánh từ 01/7 đến 31/8/2025, cụ thể như sau:

- Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) công bố trực tuyến có phát sinh hồ sơ: 2763 hồ sơ.
- Số lượng hồ sơ tiếp nhận trực tuyến: 1552 hồ sơ (167 hồ sơ một phần, 1385 hồ sơ toàn trình).
- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số công bố trực tuyến có phát sinh hồ sơ: 56,2% (*Không đạt chỉ tiêu từ 60% trở lên*).
- Tổng số hồ sơ đã giải quyết: 2425 hồ sơ.
- Số lượng hồ sơ giải quyết đúng hạn: 2372 hồ sơ.
- Tỷ lệ % giải quyết đúng hạn: 97,8% (*Đạt chỉ tiêu CCHC từ 95% trở lên*).
- Số lượng hồ sơ giải quyết quá hạn: 53 hồ sơ, chiếm 2,2%.
- Số hồ sơ có thanh toán trực tuyến/tổng số hồ sơ có thanh toán phí: 74/1253 hồ sơ, tương đương 5,9% (*Không đạt chỉ tiêu từ 60% trở lên*).

Ngoài ra, thực hiện đánh giá chất lượng giải quyết TTHC căn cứ vào kết quả đánh giá các tiêu chí thành phần tại Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử. Theo số liệu đánh giá trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, kết quả đánh giá việc giải quyết TTHC trong quý III năm 2025 như sau:

- Kết quả chỉ số Công khai, minh bạch : 18/18 điểm, đạt 100%
- Kết quả chỉ số Tiến độ, kết quả giải quyết : 19,1/20 điểm, đạt 95,5%
- Kết quả chỉ số Số hoá hồ sơ : 18,15/22 điểm, đạt 82,5%
- Kết quả chỉ số Cung cấp dịch vụ trực tuyến : 8,04/12 điểm, đạt 67%
- Kết quả chỉ số Mức độ hài lòng : 18/18 điểm, đạt 100%

- Kết quả thanh toán trực tuyến : 1,47/10 điểm, đạt 14,7%

Tổng điểm đánh giá của UBND xã Diên Khánh: 82,76% xếp loại Tốt

Để tiếp tục duy trì nâng cao các chỉ tiêu đã thực hiện tốt và khắc phục, cải thiện những chỉ tiêu, nhiệm vụ còn hạn chế về cải cách thủ tục hành chính trong thời gian tới, UBND xã đề nghị các Phòng chuyên môn, Trung tâm phục vụ Hành chính công xã phối hợp thực hiện tốt các nhiệm vụ cụ thể sau:

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tập trung toàn lực lượng, đề ra các giải pháp nâng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến từ 56,2% lên $\geq 65\%$; Nâng tỷ lệ hồ sơ có thanh toán trực tuyến từ 5,9% lên $\geq 40\%$; Duy trì tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn $\geq 97\%$. Hạn chế thấp nhất phát sinh hồ sơ trễ hạn, duy trì dưới mức 2,5%.

b) Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ; Thông tư 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

c) Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy định tại Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh về Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

a) Bảo đảm sự phân công, phối hợp rõ ràng, hợp lý trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng phòng, công chức chuyên môn; xác định cụ thể, rõ ràng trách nhiệm thực hiện, thời hạn thực hiện và dự kiến sản phẩm.

b) Huy động sự tham gia, phối hợp của các cơ quan, đơn vị, cá nhân, tổ chức có liên quan trong triển khai, thực hiện để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giải quyết thủ tục hành chính.

c) Tăng cường công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức, hỗ trợ giúp đỡ người dân, doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính trực tuyến, thanh toán trực tuyến được thuận lợi.

III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Nâng cao tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến

a. Hình thức:

- Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn người dân nộp hồ sơ trực tuyến (qua Đài truyền thanh, Trang thông tin điện tử của xã, tờ rơi, Zalo, Facebook...).

- Tiếp tục bố trí một số cán bộ túc trực Bộ phận Một cửa hỗ trợ nộp hồ sơ online, số hóa hồ sơ TTHC. Phối hợp Đoàn thanh niên xã hỗ trợ người dân tra cứu, nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến; Chỉ đạo Công an xã bố trí cán bộ chiến sĩ hỗ trợ thực hiện định danh mức 2 ngay tại Trung tâm Phục vụ hành chính công...

- Tổ chức lớp tập huấn kỹ năng nộp hồ sơ trực tuyến cho các thôn trưởng/tổ trưởng dân phố, bí thư chi bộ, trưởng ban công tác mặt trận, lực lượng đoàn viên thanh niên, tổ công nghệ số cộng đồng để hướng dẫn lại cho người dân thực hiện.

b. Phân công:

- Công chức Trung tâm phục vụ hành chính công: phối hợp với Tổ công nghệ số cộng đồng, Đoàn thanh niên xã tổ chức tập huấn, tuyên truyền tại các thôn, tổ dân phố.

- Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công: Chủ trì, xây dựng kế hoạch truyền thông trên Đài phát thanh của xã.

- Phòng Văn hóa - Xã hội: phân công công chức phối hợp tuyên truyền.

- Công chức các lĩnh vực chuyên môn (Địa chính, Tư pháp - Hộ tịch, Văn hóa xã hội...) thuộc các phòng, ban của xã: phối hợp với công chức của Trung tâm trực tiếp hướng dẫn tại Bộ phận Một cửa.

c. Sản phẩm:

- 01-02 buổi tập huấn/25 thôn, tổ dân phố.

- 100% lực lượng tham gia tập huấn phổ biết hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến.

d. Thời gian: Hoàn thành trước 30/10/2025.

2. Tăng tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến

a. Hình thức:

- Phối hợp ngân hàng, bưu điện để tích hợp thanh toán phí/lệ phí bằng QR code, chuyển khoản.

- Yêu cầu cán bộ tiếp nhận hồ sơ tư vấn, khuyến khích người dân chọn phương án thanh toán online.

- Niêm yết công khai quy trình thanh toán trực tuyến tại Bộ phận Một cửa và trên Trang thông tin điện tử của xã.

b. Phân công:

- Bộ phận Kế toán - Tài chính của Trung tâm: Chủ trì kết nối ngân hàng, hướng dẫn thanh toán.

- Công chức Bộ phận Một cửa: Thực hiện tư vấn cho người dân khi nộp hồ sơ.

c. Sản phẩm:

- 100% hồ sơ phát sinh phí đều được tư vấn phương thức thanh toán trực tuyến.

- Báo cáo số lượng hồ sơ thanh toán trực tuyến hàng tuần, tháng, quý và cả năm 2025.

d. Thời gian: Triển khai ngay từ 22/9/2025, phấn đấu đạt $\geq 40\%$ vào 15/12/2025.

3. Duy trì tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn

a. Hình thức:

- Trưởng các phòng chuyên môn, lãnh đạo Trung tâm phục vụ hành chính công tăng cường phối hợp, kiểm tra, nhắc nhở trách nhiệm đối với công chức phụ trách tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả TTHC để thực hiện đúng hạn.

- Định kỳ vào chiều thứ 6 hàng tuần, Trung tâm phục vụ hành chính công trích xuất danh sách TTHC sẽ đến hạn trong tuần tới (*từ thứ 2 đến thứ 6*) gửi vào nhóm Zalo UBND xã Diên Khánh để lãnh đạo UBND, lãnh đạo các Phòng chuyên môn theo dõi, chỉ đạo giải quyết kịp thời.

- Đối với những hồ sơ TTHC liên thông nhiều cơ quan khác nhau cần phải có thời gian xác minh, bổ sung thì các công chức chuyên môn có trách nhiệm phối hợp thống nhất cách xử lý hài hòa, hợp lý, đúng quy định để đảm bảo hồ sơ không phát sinh trễ hạn.

- UBND xã giao chỉ tiêu KPI cá nhân gắn với tỷ lệ hồ sơ đúng hạn và kết hợp làm cơ sở đánh giá, phân loại, thi đua khen thưởng... (*trễ hạn dưới 3% TTHC thuộc lĩnh vực phụ trách: xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ, từ 3% trở lên đến dưới 5%: xếp loại hoàn thành nhiệm vụ, từ 5% trở lên xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ*).

b. Phân công:

- Phó Chủ tịch UBND xã – Phụ trách Trung tâm phục vụ hành chính công xã: Chỉ đạo chung, kiểm tra định kỳ.

- Trung tâm phục vụ hành chính công xã: Theo dõi, báo cáo tuần.

- Công chức chuyên môn tại các phòng chuyên môn: Giải quyết hồ sơ trong hạn, báo cáo khó khăn.

c. Sản phẩm:

- Tỷ lệ hồ sơ đúng hạn $\geq 97\%$.

- Báo cáo kết quả từng tháng.

d. Thời gian: Thực hiện xuyên suốt đến 31/12/2025.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu theo kế hoạch này được cụ thể trong dự toán kinh phí hoạt động năm 2025 của các cơ quan, đơn vị.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung tâm Phục vụ Hành chính công: theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; báo cáo kết quả thực hiện về UBND xã theo quy định. Tham mưu họp sơ kết vào cuối tháng 11/2025, tổng kết thực hiện kế hoạch vào 15/12/2025.

2. Phòng Kinh tế phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công và các cơ quan, đơn vị có liên quan bảo đảm kinh phí thực hiện Kế hoạch.

3. Phòng Văn hóa Xã hội tham mưu tổ chức họp giao ban công tác cải cách hành chính vào tuần cuối mỗi tháng để đánh giá kết quả, nhắc nhở đơn vị chậm tiến độ.

4. Lãnh đạo các phòng chuyên môn thuộc UBND xã và Thủ trưởng của các cơ quan, đơn vị có liên quan chủ động thực hiện Kế hoạch này và có trách nhiệm xây dựng, tổ chức thực hiện Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính tại đơn vị kịp thời báo cáo khó khăn, vướng mắc về Trung tâm Phục vụ Hành chính công để tổng hợp, báo cáo UBND xã./.

Nơi nhận (VBĐT):

- TT/Đảng ủy, HĐND xã;
- CT và các PCT UBND xã;
- Đoàn Thanh niên xã;
- Công an xã;
- Các phòng chuyên môn;
- TT. PVHC công xã;
- TT.CUĐVSNC xã;
- Thôn/Tổ dân phố;
- Lưu: VT, PVHCC xã.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Thế Lộc

KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TỪ NGÀY 01/07/2025 ĐẾN NGÀY 31/08/2025

TT	Mã định danh	Tên đơn vị									Hồ sơ đã giải quyết					Tổng số hồ sơ TTHC công bố trực tuyến có phát sinh hồ sơ	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số công bố trực tuyến có phát sinh hồ sơ	Số hồ sơ có thanh toán trực tuyến/tổng số hồ sơ có thanh toán phí	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến	Chi tiêu 60%
			Tổng số	Tiếp nhận trực tuyến	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến %	Chi tiêu 60%	Một phần	Toàn trình	Tiếp nhận trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính	Tổng số	Đúng hạn		Quá hạn							
											Số lượng	Tỷ lệ %	Chi tiêu CCHC (Từ 95% trở lên)	Số lượng	Tỷ lệ %					
1		Cấp tỉnh	67839	16500	24,3		4430	12070	51339	45963	41244	89,7		4719	10,3	47387	34,8	1073/7092	15,1	
1	G12.18.56	Chi cục Thuế khu vực XIII	0	0	0	Không tính	0	0	0	0	0	0	Không tính	0	0	0	0/0		0	Không tính
2	H32.02	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	12	8	66,7	Đạt	5	3	4	7	7	100	Đạt	0	0	12	66,7	0/0	0	Không đạt
3	H32.03	Sở Công thương	568	518	91,2	Đạt	8	510	50	543	541	99,6	Đạt	2	0,4	564	91,8	15/19	78,9	Đạt
4	H32.05	Sở Giáo dục và Đào tạo	349	349	100	Đạt	101	248	0	316	312	98,7	Đạt	4	1,3	349	100	3/4	75	Đạt
5	H32.08	Sở Khoa học và Công nghệ	73	70	95,9	Đạt	36	34	3	34	34	100	Đạt	0	0	71	98,6	12/14	85,7	Đạt
6	H32.11	Sở Nội vụ	278	256	92,1	Đạt	175	81	22	243	243	100	Đạt	0	0	259	98,8	3/7	42,9	Không đạt
7	H32.13	Sở Tài chính	64	12	18,8	Không đạt	12	0	52	41	41	100	Đạt	0	0	64	18,8	0/0	0	Không đạt
8	H32.16	Sở Tư pháp	1321	927	70,2	Đạt	0	927	394	270	258	95,6	Đạt	12	4,4	596	155,5	286/1285	22,3	Không đạt
9	H32.18	Sở Xây dựng	425	287	67,5	Đạt	16	271	138	216	216	100	Đạt	0	0	387	74,2	103/284	36,3	Không đạt
10	H32.19	Sở Y tế	920	891	96,8	Đạt	225	666	29	601	601	100	Đạt	0	0	898	99,2	390/561	69,5	Đạt
11	H32.21	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	15	6	40	Không đạt	6	0	9	11	11	100	Đạt	0	0	6	100	0/0	0	Không đạt
12	H32.24	Sở Nông Nghiệp và Môi Trường	59236	8962	15,1	Không đạt	3837	5125	50274	40270	35621	88,5	Không đạt	4649	11,5	39603	22,6	101/658	15,3	Không đạt
13	H32.25	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	370	370	100	Đạt	9	361	0	334	333	99,7	Đạt	1	0,3	370	100	147/150	98	Đạt
14	H32.42	Ban Quản lý dự án Phát triển tỉnh Khánh Hòa	0	0	0	Không tính	0	0	0	0	0	0	Không tính	0	0	0	0/0		0	Không tính
15	H32.52	Bảo hiểm xã hội tỉnh Khánh Hòa	0	0	0	Không tính	0	0	0	0	0	0	Không tính	0	0	0	0/0		0	Không tính
16	H32.53	Công an tỉnh Khánh Hòa	4208	3844	91,3	Đạt	0	3844	364	3077	3026	98,3	Đạt	51	1,7	4208	91,3	13/4110	0,3	Không đạt
17	H32.56	Thuế tỉnh Khánh Hòa	0	0	0	Không tính	0	0	0	0	0	0	Không tính	0	0	0	0/0		0	Không tính
18	H32.90	Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Khánh Hòa	0	0	0	Không tính	0	0	0	0	0	0	Không tính	0	0	0	0/0		0	Không tính
II		Cấp xã	91904	40593	44,2	Không đạt	6317	34276	51311	72317	69258	95,8	Đạt	3059	4,2	74347	54,6	3997/40091	10	Không đạt
1	H32.201	UBND phường Ba Ngòi	1302	552	42,4	Không đạt	60	492	750	964	955	99,1	Đạt	9	0,9	849	65	144/426	33,8	Không đạt
2	H32.202	UBND phường Bảo An	1159	153	13,2	Không đạt	49	104	1006	1030	931	90,4	Không đạt	99	9,6	754	20,3	2/948	0,2	Không đạt
3	H32.203	UBND phường Bắc Cam Ranh	1766	1095	62	Đạt	124	971	671	1303	1302	99,9	Đạt	1	0,1	1502	72,9	57/365	15,6	Không đạt
4	H32.204	UBND phường Bắc Nha Trang	3774	2689	71,3	Đạt	554	2135	1085	3134	3080	98,3	Đạt	54	1,7	3624	74,2	253/815	31	Không đạt
5	H32.205	UBND phường Cam Linh	1630	1074	65,9	Đạt	119	955	556	1495	1495	100	Đạt	0	0	1099	97,7	8/719	1,1	Không đạt
6	H32.206	UBND Phường Cam Ranh	1089	715	65,7	Đạt	116	599	374	862	862	100	Đạt	0	0	994	71,9	134/408	32,8	Không đạt
7	H32.207	UBND phường Đồ Vinh	1972	291	14,8	Không đạt	80	211	1681	1821	1729	94,9	Không đạt	92	5,1	1493	19,5	83/1407	5,9	Không đạt
8	H32.208	UBND phường Đông Hải	758	171	22,6	Không đạt	12	159	587	606	596	98,3	Đạt	10	1,7	574	29,8	7/498	1,4	Không đạt
9	H32.209	UBND phường Đông Ninh Hòa	1816	1185	65,3	Đạt	170	1015	631	1279	1262	98,7	Đạt	17	1,3	1523	77,8	58/554	10,5	Không đạt
10	H32.210	UBND phường Hòa Thắng	1278	952	74,5	Đạt	51	901	326	1039	1006	96,8	Đạt	33	3,2	937	101,6	103/421	24,5	Không đạt
11	H32.211	UBND phường Nam Nha Trang	4100	2950	72	Đạt	859	2091	1150	3261	3195	98	Đạt	66	2	3810	77,4	11/769	1,4	Không đạt
12	H32.212	UBND phường Nha Trang	4914	3729	75,9	Đạt	582	3147	1185	4328	4309	99,6	Đạt	19	0,4	4700	79,3	49/1365	3,6	Không đạt
13	H32.213	UBND phường Ninh Chữ	930	240	25,8	Không đạt	59	181	690	743	729	98,1	Đạt	14	1,9	825	29,1	1/209	0,5	Không đạt
14	H32.214	UBND phường Ninh Hòa	3649	1359	37,2	Không đạt	245	1114	2290	2314	2246	97,1	Đạt	68	2,9	3560	38,2	8/1272	0,6	Không đạt
15	H32.215	UBND phường Phan Rang	1355	558	41,2	Không đạt	169	389	797	1178	1106	93,9	Không đạt	72	6,1	958	58,2	31/732	4,2	Không đạt
16	H32.216	UBND phường Tây Nha Trang	3661	2170	59,3	Không đạt	357	1813	1491	2764	2601	94,1	Không đạt	163	5,9	3502	62	8/779	1	Không đạt
17	H32.217	UBND xã Anh Dũng	333	62	18,6	Không đạt	13	49	271	323	315	97,5	Đạt	8	2,5	268	23,1	6/260	2,3	Không đạt
18	H32.218	UBND xã Bắc Ái	473	57	12,1	Không đạt	14	43	416	391	269	68,8	Không đạt	122	31,2	462	12,3	1/339	0,3	Không đạt
19	H32.219	UBND xã Bắc Ái Đông	461	29	6,3	Không đạt	0	29	432	381	348	91,3	Không đạt	33	8,7	314	9,2	5/355	1,4	Không đạt
20	H32.220	UBND xã Bắc Ai Tây	761	22	2,9	Không đạt	3	19	739	648	298	46	Không đạt	350	54	745	3	1/716	0,1	Không đạt
21	H32.221	UBND xã Bắc Khánh Vinh	588	310	52,7	Không đạt	40	270	278	395	394	99,7	Đạt	1	0,3	481	64,4	48/244	19,7	Không đạt
22	H32.222	UBND xã Bắc Ninh Hòa	2232	859	38,5	Không đạt	114	745	1373	1341	1336	99,6	Đạt	5	0,4	1589	54,1	2/788	0,3	Không đạt
23	H32.223	UBND xã Cam An	1133	402	35,5	Không đạt	40	362	731	579	561	96,9	Đạt	18	3,1	650	61,8	117/286	40,9	Không đạt
24	H32.224	UBND xã Cam Hiệp	413	52	12,6	Không đạt	12	40	361	217	213	98,2	Đạt	4	1,8	246	21,1	60/158	38	Không đạt
25	H32.225	UBND xã Cam Lâm	5106	1912	37,4	Không đạt	256	1656	3194	3470	3455	99,6	Đạt	15	0,4	3540	54	517/1545	33,5	Không đạt
26	H32.226	UBND xã Cà Ná	656	374	57	Không đạt	55	319	282	614	395	64,3	Không đạt	219	35,7	503	74,4	2/281	0,7	Không đạt
27	H32.227	UBND xã Công Hải	658	48	7,3	Không đạt	8	40	610	601	593	98,7	Đạt	8	1,3	505	9,5	0/444	0	Không đạt
28	H32.228	UBND xã Diên Điền	2313	1205	52,1	Không đạt	157	1048	1108	1967	1967	100	Đạt	0	0	1920	62,8	153/987	15,5	Không đạt
29	H32.229	UBND xã Diên Khánh	2763	1552	56,2	Không đạt	167	1385	1211	2425	2372	97,8	Đạt	53	2,2	1753	88,5	74/1253	5,9	Không đạt
30	H32.230	UBND xã Diên Lạc	1566	821	52,4	Không đạt	112	709	745	1333	1321	99,1	Đạt	12	0,9	1243	66	1/797	0,1	Không đạt
31	H32.231	UBND xã Diên Lâm	1425	509	35,7	Không đạt	42	467	916	1048	1048	100	Đạt	0	0	851	59,8	5/671	0,7	Không đạt
32	H32.232	UBND xã Diên Thọ	1142	461	40,4	Không đạt	62	399	681	895	893	99,8	Đạt	2	0,2	668	69	14/489	2,9	Không đạt
33	H32.233	UBND xã Đại Lãnh	1172	333	28,4	Không đạt	69	264	839	1084	1073	99	Đạt	11	1	634	52,5	22/714	3,1	Không đạt
34	H32.234	UBND xã Đông Khánh Sơn	512	199	38,9	Không đạt	33	166	313	449	448	99,8	Đạt	1	0,2	357	55,7	179/343	52,2	Không đạt
35	H32.235	UBND xã Hòa Trí	1026	1002	97,7	Đạt	78	924	24	585	573	97,9	Đạt	12	2,1	1001	100,1	4/184	2,2	Không đạt

TT	Mã định danh	Tên đơn vị								Hồ sơ đã giải quyết						Tổng số hồ sơ TTHC công bố trực tuyến có phát sinh hồ sơ	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyển trên tổng số công bố trực tuyến có phát sinh hồ sơ	Số hồ sơ có thanh toán trực tuyển/tổng số hồ sơ có thanh toán phí	Tỷ lệ thanh toán trực tuyển	Chi tiêu 60%
			Tổng số	Tiếp nhận trực tuyến	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyển %	Chi tiêu 60%	Một phần	Toàn trình	Tiếp nhận trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính	Tổng số	Đúng hạn		Quá hạn							
											Số lượng	Tỷ lệ %	Chi tiêu CCHC (Từ 95% trở lên)	Số lượng	Tỷ lệ %					
36	H32.236	UBND xã Phước Hữu	1765	176	10	Không đạt	37	139	1589	1585	1532	96,7	Đạt	53	3,3	1549	11,4	2/1225	0,2	Không đạt
37	H32.237	UBND xã Khánh Sơn	346	214	61,8	Đạt	27	187	132	265	262	98,9	Đạt	3	1,1	234	91,5	60/133	45,1	Không đạt
38	H32.238	UBND xã Khánh Vĩnh	781	261	33,4	Không đạt	37	224	520	518	518	100	Đạt	0	0	607	43	120/418	28,7	Không đạt
39	H32.239	UBND xã Lâm Sơn	537	165	30,7	Không đạt	10	155	372	453	441	97,4	Đạt	12	2,6	528	31,3	1/131	0,8	Không đạt
40	H32.240	UBND xã Mỹ Sơn	269	77	28,6	Không đạt	9	68	192	149	140	94	Không đạt	9	6	206	37,4	20/69	29	Không đạt
41	H32.241	UBND xã Nam Cam Ranh	954	530	55,6	Không đạt	99	431	424	794	790	99,5	Đạt	4	0,5	697	76	53/468	11,3	Không đạt
42	H32.242	UBND xã Nam Khánh Vĩnh	358	137	38,3	Không đạt	24	113	221	281	280	99,6	Đạt	1	0,4	231	59,3	77/206	37,4	Không đạt
43	H32.243	UBND xã Nam Ninh Hòa	1011	903	89,3	Đạt	95	808	108	712	708	99,4	Đạt	4	0,6	957	94,4	5/200	2,5	Không đạt
44	H32.244	UBND xã Ninh Hải	1434	339	23,6	Không đạt	8	331	1095	1247	1236	99,1	Đạt	11	0,9	1377	24,6	0/934	0	Không đạt
45	H32.245	UBND xã Ninh Phước	2117	213	10,1	Không đạt	38	175	1904	1652	948	57,4	Không đạt	704	42,6	1932	11	13/1644	0,8	Không đạt
46	H32.246	UBND xã Ninh Sơn	1097	294	26,8	Không đạt	41	253	803	986	967	98,1	Đạt	19	1,9	882	33,3	33/514	6,4	Không đạt
47	H32.247	UBND xã Phước Dinh	1075	265	24,7	Không đạt	65	200	810	948	888	93,7	Không đạt	60	6,3	793	33,4	1/878	0,1	Không đạt
48	H32.248	UBND xã Phước Hà	653	70	10,7	Không đạt	19	51	583	592	579	97,8	Đạt	13	2,2	561	12,5	1/515	0,2	Không đạt
49	H32.249	UBND xã Phước Hậu	1452	360	24,8	Không đạt	66	294	1092	1344	1295	96,4	Đạt	49	3,6	1180	30,5	6/1053	0,6	Không đạt
50	H32.250	UBND xã Suối Dầu	905	177	19,6	Không đạt	25	152	728	598	581	97,2	Đạt	17	2,8	798	22,2	59/427	13,8	Không đạt
51	H32.251	UBND xã Suối Hiệp	1679	802	47,8	Không đạt	78	724	877	1402	1382	98,6	Đạt	20	1,4	1521	52,7	4/798	0,5	Không đạt
52	H32.252	UBND xã Tân Định	1807	1234	68,3	Đạt	126	1108	573	1007	966	95,9	Đạt	41	4,1	1744	70,8	4/301	1,3	Không đạt
53	H32.253	UBND xã Tây Khánh Sơn	287	174	60,6	Đạt	21	153	113	238	237	99,6	Đạt	1	0,4	224	77,7	81/115	70,4	Đạt
54	H32.254	UBND xã Tây Khánh Vĩnh	259	78	30,1	Không đạt	15	63	181	198	189	95,5	Đạt	9	4,5	182	42,9	65/156	41,7	Không đạt
55	H32.255	UBND xã Tây Ninh Hòa	624	465	74,5	Đạt	37	428	159	352	351	99,7	Đạt	1	0,3	551	84,4	2/157	1,3	Không đạt
56	H32.256	UBND xã Thuận Bắc	792	232	29,3	Không đạt	29	203	560	683	593	86,8	Không đạt	90	13,2	716	32,4	113/515	21,9	Không đạt
57	H32.257	UBND xã Thuận Nam	916	288	31,4	Không đạt	134	154	628	811	810	99,9	Đạt	1	0,1	639	45,1	2/688	0,3	Không đạt
58	H32.258	UBND xã Trung Khánh Vĩnh	496	106	21,4	Không đạt	12	94	390	375	372	99,2	Đạt	3	0,8	297	35,7	104/282	36,9	Không đạt
59	H32.259	UBND xã Tu Bông	2016	847	42	Không đạt	67	780	1169	1828	1822	99,7	Đạt	6	0,3	1006	84,2	697/1276	54,6	Không đạt
60	H32.260	UBND xã Vạn Hưng	905	225	24,9	Không đạt	55	170	680	626	624	99,7	Đạt	2	0,3	667	33,7	0/295	0	Không đạt
61	H32.261	UBND xã Vạn Ninh	3798	979	25,8	Không đạt	142	837	2819	2885	2849	98,8	Đạt	36	1,2	3109	31,5	5/2049	0,2	Không đạt
62	H32.262	UBND xã Vạn Thắng	1527	366	24	Không đạt	36	330	1161	1105	1095	99,1	Đạt	10	0,9	826	44,3	3/926	0,3	Không đạt
63	H32.263	UBND xã Vĩnh Hải	1368	217	15,9	Không đạt	48	169	1151	1216	931	76,6	Không đạt	285	23,4	1177	18,4	288/743	38,8	Không đạt
64	H32.264	UBND xã Xuân Hải	790	307	38,9	Không đạt	36	271	483	600	596	99,3	Đạt	4	0,7	722	42,5	10/434	2,3	Không đạt
		TỔNG CỘNG	159743	57093	35,7		10747	46346	102650	118280	110502	93,4		7778	6,6	121734	46,9	5070/47183	10,7	

TT	Mã định danh	Tên đơn vị							Hồ sơ đã giải quyết					Tổng số hồ sơ TTHC công bố trực tuyến có phát sinh hồ sơ	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyển trên tổng số công bố trực tuyển có phát sinh hồ sơ	Số hồ sơ có thanh toán trực tuyển/tổng số hồ sơ có thanh toán phí	Tỷ lệ thanh toán trực tuyển	Chi tiêu 60%	
			Tổng số	Tiếp nhận trực tuyển	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyển %	Chi tiêu 60%	Một phần	Toàn trình	Tiếp nhận trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính	Đúng hạn		Quá hạn							
										Số lượng	Tỷ lệ %	Chi tiêu CCHC (Từ 95% trở lên)	Số lượng						Tỷ lệ %

